NGÔN NGỮ

SỐ 5 2024

THANH ĐIỆU MỘT SỐ THỔ NGỮ LỘC HÀ - HÀ TĨNH

NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG[1]
TRƯƠNG THỊ MAI HOA[2]

Abstract: Ha Tinh language belongs to the dialect of Central Vietnam. Ha Tinh's pronunciation has many distinct characteristics compared to the Northern and Southern dialects. Not only are there differences with other regional dialects, but even within Ha Tinh locality, some dialects also have various unique variations representing intriguing subjects for researchers to study. Below, we would like to point out a few differences in tones pronunciation across some Ha Tinh dialects.

Keywords: *Tones, Loc Ha, dialect, Ha Tinh language, dialect*

1. Mở đầu

Tiếng Việt hiện nay được xem là một ngôn ngữ Nam Á có thanh điệu. Trong tiếng Việt, thanh điệu được xác định là một bộ phận cấu thành của các âm tiết đồng thời là từ. Vì thế, thuật ngữ *thanh điệu* hay *thanh* còn được gọi là *thanh điệu từ vựng* (lexical tone). Thanh điệu là những đặc trưng về cao độ và chất giọng phát âm của âm tiết có giá trị khu biệt nghĩa. Thanh điệu được thể hiện cùng với toàn bộ âm tiết hay đúng hơn là toàn bộ phần thanh tính của âm tiết. Do đó thanh điệu thường được gọi là âm vị siêu đoạn tính. Hiện nay, trong các nghiên cứu về thanh điệu tiếng Việt người ta kết hợp cả miêu tả cao độ lẫn miêu tả chất giọng. Các kết quả nghiên cứu về chất giọng Việt chẳng những không loại trừ hay trái ngược với các kết quả nghiên cứu về cao độ của hệ thanh mà chúng bổ sung cho nhau. Hệ thống thanh điệu tiếng Việt đã được nghiên cứu từ hai phương diện này, và vì thế, phản ánh chân thực hơn, đúng thực tế cách phát âm tiếng Việt ở các vùng miền trong cả nước. Đồng thời, những thành tựu nghiên cứu này có thể làm cơ sở cho những nghiên cứu về lịch sử hình thành và phát triển của hệ thống thanh điệu tiếng Việt. Từ trước đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu về phương ngữ Nghệ Tĩnh nói chung và thanh điệu nói riêng, tiêu biểu có thể kể đến các công trình nghiên cứu của Honda Koichi, Vũ Thanh Phương,… đều lấy các tư liệu tiếng Nghệ An để khái quát chung cho phương ngữ Nghệ Tĩnh về mặt thanh điệu. Nhưng thực tế cho thấy, thanh điệu của tiếng Nghệ An so với tiếng Hà Tĩnh cũng có nhiều nét khác biệt. Chúng ta có thể thấy điều đó khi phân tích hệ thống thanh điệu của một số thổ ngữ trong tiếng Hà Tĩnh, cụ thể sau đây chúng tôi sẽ tìm hiểu, miêu tả và phân tích hệ thống thanh điệu thổ ngữ Lộc Hà.

2. Hệ thống thanh điệu các thổ ngữ Lộc Hà và những khác biệt

2.1. Hệ thống thanh điệu thổ ngữ Lộc Hà

2.1.1. Địa điểm điều tra, kết quả ghi âm và phương pháp nghiên cứu

- Địa điểm điều tra (ĐĐT), gồm 4 điểm là các địa bàn: xã An Lộc, xã Thịnh Lộc, xã Thạch Kim và xã Thạch Châu.

- Tiêu chuẩn lựa chọn cộng tác viên (CTV)

+ CTV là những người sinh ra và đã sống liên tục ở địa phương từ 2 đến 3 đời. Về độ tuổi là những người từ 30 đến 50 tuổi, không đi làm ăn ở nơi khác. Do vậy họ được xem là những người bảo lưu ngôn ngữ của mình, không bị pha trộn, có giọng nói được người địa phương xác định và công nhận là đúng "chất giọng" của tiếng Lộc Hà.

[1] TS, Trường Đại học Hà Tĩnh
[2] ThS, Trường Đại học Hà Tĩnh

+ Đối tượng điều tra, ghi thu là các phát âm mẫu của 24 cộng tác viên, gồm 12 nam và 12 nữ ở tại 4 điểm điều tra (ĐĐT).

- Kết quả ghi âm

Tổng số dữ liệu âm thanh thu thập được của 24 CTV gồm 24 File dữ liệu âm thanh có dung lượng ghi âm là 26 MB (có văn bản kèm theo).

Đó là nguồn dữ liệu phục vụ cho việc phân tích đặc điểm ngữ âm của tiếng Lộc Hà cả về mặt cảm thụ thính giác và phân tích thực nghiệm.

- Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ trên chúng tôi áp dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

+ Điều tra điền dã:

a) Nghe và cảm thụ bằng thính giác, ghi lại bằng kí hiệu phiên âm quốc tế IPA theo các bảng từ các thổ ngữ ở Lộc Hà.

b) Tiến hành ghi âm bằng máy ghi âm kĩ thuật số.

• **Hình thức ghi âm**: Có 2 hình thức ghi dữ liệu âm thanh đối với mỗi CTV:

+ CTV đọc 2 bảng từ âm tiết tách biệt phục vụ phân tích các thông số âm học của thanh điệu.

+ CTV được ghi âm tự do phục vụ cho các mục đích nghiên cứu lời nói tự nhiên.

Hình 1. Máy ghi âm số chuyên dụng ZOOM H2N

• **Phương tiện ghi âm**

Chúng tôi sử dụng máy ghi âm số chuyên dụng: ZOOM H2N của hãng ZOOM JAPAN. Mẫu ghi âm 41.100 Hz, 16 bit. Các file ghi âm có dạng wav.

+ Phương pháp phân tích các đơn vị âm thanh bằng các chương trình bằng máy tính

Tư liệu ghi âm được phân tích những đặc điểm ngữ âm bằng các chương trình máy tính sau:

* Chương trình WIN CECIL: Chương trình do tổ chức SIL Hoa Kỳ thực hiện. WIN CECIL có thể phân tích được các thông số âm học của các yếu tố ngôn điệu ngôn ngữ. Chương trình này đặc biệt thích hợp để nghiên cứu thanh điệu và ngữ điệu trong các ngôn ngữ đơn lập đơn tiết như tiếng Việt. Trong nghiên cứu này chúng tôi sử dụng chương trình WIN CECIL để phân tích và miêu tả các thông số âm học của hệ thống thanh điệu các thổ ngữ Lộc Hà .

* Chương trình SA để phân tích và miêu tả hệ thống thanh điệu trong tiếng Lộc Hà.

* Chương trình PRAAT phiên bản 6.0.35 (16/10/2017): Chương trình PRAAT cho phép chúng ta phân tích, miêu tả theo định lượng các thông số âm học của các đơn vị chiết đoạn và siêu đoạn lời nói.

+ Phương pháp miêu tả ngữ âm - âm vị học

Phương pháp miêu tả ngữ âm - âm vị học áp dụng các thao tác cơ bản trong miêu tả các đặc điểm cấu âm và âm học hệ thống phụ âm đầu, vần, thanh điệu các thổ ngữ tiếng Lộc Hà.

+ Phương pháp so sánh lịch sử

Trong bài nghiên cứu, chúng tôi áp dụng các thao tác phân tích, đối chiếu về mặt lịch đại của phương pháp so sánh lịch sử để miêu tả hệ thống thanh điệu các thổ ngữ Lộc Hà trong quan hệ với thanh điệu tiếng Việt toàn dân và các thổ ngữ Nghệ Tĩnh về mặt lịch sử.

2.1.2. Hệ thống thanh điệu các thổ ngữ

Dưới đây, chúng tôi miêu tả hệ thống thanh điệu một số thổ ngữ Lộc Hà – Hà Tĩnh. Những miêu tả dưới đây dựa trên quan sát và bằng cảm thục thính giác (nghe) kết hợp với những dữ liệu phân tích

bằng các phần mềm máy tính WIN CECIL, SA, PRAAT. Để xác định cao độ, chúng tôi dùng đơn vị đo là Hezt và Semitones, trường độ được chúng tôi đo bằng ms (= 0,001 giây). Hệ thống thanh điệu được tổng hợp và phân tích và miêu tả trên cơ sở các tư liệu của các nghiệm viên là những người sinh ra và lớn lên tại địa phương, phát âm các từ tách rời: *ta, tà, tá, tả, tã, tạ; ma, mà, má, mả, mã, mạ*. Mỗi từ đọc ba lần theo cách phát âm hàng ngày.

Dưới đây là đồ thị F0 của hệ thống thanh điệu tiếng Thịnh Lộc, An Lộc, Thạch Kim và Thạch Châu.

Hệ thống thanh điệu Thịnh Lộc

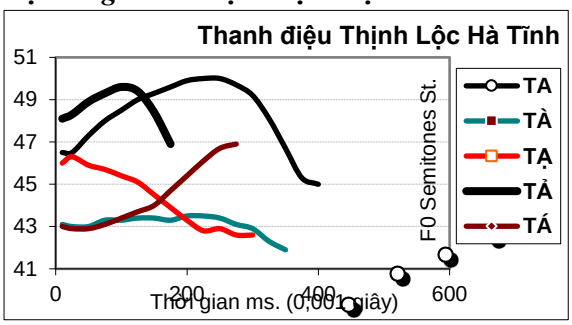

Hình 2. Đồ thị F0 hệ thống thanh điệu Thịnh Lộc

Về mặt ngữ âm học, hệ thống thanh điệu tiếng Thịnh Lộc gồm 5 thanh. Các thanh có những đặc điểm ngữ âm như sau:

Về đường nét: Thanh 1 (thanh ngang) có đường nét đi lên sau đó đi xuống tương đối cân đối. Thanh ngang xuất phát từ độ cao trung bình bậc 3, sau đó đi lên ở bậc 5 và kết thúc ở bậc 3. Trường độ của thanh này khoảng 390 ms. Theo cách chia thang bậc (gồm 5 bậc) của của Hiệp hội Ngữ âm học quốc tế thì thanh ngang tiếng Thịnh Lộc được ghi bằng 353. Thanh 2 (thanh huyền) có xuất phát thấp, đường nét đi ngang hơi.

Về trường độ, thanh huyền là thanh có trường độ ngắn, khoảng 340ms. Theo cách chia thang bậc số hóa (gồm 5 bậc) của của Hiệp hội Ngữ âm học quốc tế thì thanh 2 tiếng Thịnh Lộc được ghi bằng 11. Thanh 3 (thanh hỏi) có xuất phát cao sau đó đi lên cao nhất và kết thúc đột ngột bằng hiện tượng tắc họng, trường độ ngắn, khoảng 190ms, ghi bằng 454. Thanh 4 (thanh sắc) có xuất phát thấp, đường nét đi lên và kết thúc đột ngột ở độ cao trung bình, có hiện tượng tắc họng, ghi bằng 13. Thanh 5 thanh (ngã/ nặng) có xuất phát trung bình, sau đó đi xuống, trường độ ngắn, khoảng 300ms, ghi bằng 31.

Về âm vực, 5 thanh ở Thịnh Lộc có sự đối lập giữa hai âm vực cao và thấp. Âm vực âm cao gồm ba thanh: Thanh 1 (thanh ngang), thanh 3 (thanh hỏi) và thanh 4 (thanh sắc) là các thanh có kết thúc ở cao độ cao. Thanh 2 (thanh huyền) và thanh 5 (thanh ngã/nặng) là thanh thấp kết thúc ở cao độ thấp.

Về chất giọng, các thanh 1 và thanh 2 chất giọng thường thanh 3 và thanh 4 kết thúc bằng hiện tượng tắc thanh môn.

Về âm vị học, 5 thanh điệu của tiếng Thịnh Lộc được trình bày bằng bảng sau:

Bảng 1. Ma trận nhận diện các tiêu chí âm vị học của hệ thống thanh điệu tiếng Thịnh Lộc

Thanh	**Cao độ**						**Chất giọng**
	Đường nét				Âm vực		Tắc họng
	Ngang	Xuống	Lên	Lên – Xuống	Cao	Thấp	
1	-	-	-	+	+	-	-
2	+	-	-	-	-	+	-
3	-	+	-	-	-	+	+
4	-	-	+	-	+	-	+
5	-	+	-	-	-	+	-

Hệ thống thanh điệu An Lộc

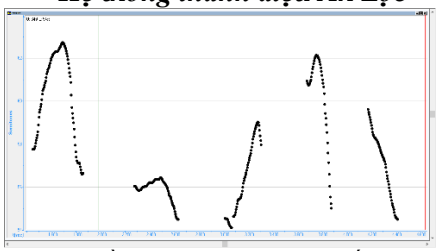

Hình 3. Đồ thị F0 của thanh điệu tiếng An Lộc được phân tích bằng chương trình SA

Hệ thống thanh điệu tiếng An Lộc Lộc gồm 5 thanh. Các thanh có những đặc điểm ngữ âm như sau:

Về đường nét: Thanh 1 (thanh ngang) có xuất phát trung bỉnh, sau đó đi lên cao độ cao nhất rồi đi xuống và kết thúc ở độ cao trung bình, ghi bằng 353. Thanh 2 (thanh huyền) có xuất phát thấp, đường nét đi xuống, kết thúc thấp nhất, được ghi bằng 21. Thanh 3 (thanh hỏi) có xuất phát cao sau đó đi xuống, kết thúc bằng hiện tượng tắc họng, ghi bằng 42. Thanh 4 (thanh sắc) có xuất phát thấp, đường nét đi

lên và kết thúc đột ngột ở độ cao trung bình, có hiện tượng tắc họng, ghi bằng 13. Thanh 5 thanh (ngã/nặng) có xuất phát trung bình, sau đó đi xuống, trường độ ngắn, khoảng 300ms, ghi bằng 31.

Về âm vực, 5 thanh ở An Lộc có sự đối lập giữa hai âm vực cao và thấp. Âm vực âm cao gồm hai thanh: thanh 1 (thanh ngang) và thanh 4 (thanh sắc) là các thanh có kết thúc ở cao độ cao. Các thanh: thanh 2 (thanh huyền), thanh 3 (thanh hỏi) và thanh 5 (thanh ngã/nặng) là thanh thấp kết thúc ở cao độ thấp.

Về chất giọng, các thanh 1 và thanh 2 chất giọng thường, thanh 3 và thanh 4 kết thúc bằng hiện tượng tắc thanh môn.

Về mặt âm vị học, 5 thanh điệu tiếng An Lộc được nhận diện theo bảng dưới đây:

Bảng 2. Ma trận nhận diện các tiêu chí âm vị học của hệ thống thanh điệu tiếng An Lộc

Thanh	Cao độ						Chất giọng
	Đường nét				Âm vực		Tắc họng
	Ngang	Xuống	Lên	Lên - Xuống	Cao	Thấp	
1	-	-	-	+	+	-	-
2	-	+	-	-	-	+	-
3	-	+	-	-	-	+	+
4	-	-	+	-	+	-	+
5	-	+	-	-	-	+	-

Hệ thống thanh điệu Thạch Kim

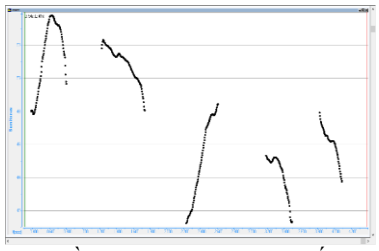

Hình 4. Đồ thị F0 của thanh điệu tiếng Thạch Kim được phân tích bằng chương trình SA

Hệ thống thanh điệu tiếng Thạch Kim gồm 5 thanh có những đặc điểm ngữ âm như sau:

Về đường nét: Thanh 1 có xuất phát trung bình, sau đó đi lên cao độ cao nhất rồi đi xuống và kết thúc ở độ cao trung bình, ghi bằng 353. Thanh 2 có xuất phát cao sau đó đi xuống và kết thúc ở độ cao trung bình, đường nét đi xuống, được ghi bằng 43. Thanh 3 có xuất phát thấp sau đó đi xuống, kết thúc ở cao độ thấp nhất bằng hiện tượng tắc họng, ghi bằng 21. Thanh 4 có xuất phát thấp, đường nét đi lên và kết thúc đột ngột ở độ cao trung bình, có hiện tượng tắc họng, ghi bằng 13. Thanh 5 thanh có xuất phát trung bình, sau đó đi xuống, trường độ ngắn, khoảng 300ms, ghi bằng 32.

Về âm vực, 5 thanh ở Thạch Kim có sự đối lập giữa hai âm vực cao và thấp. Âm vực âm cao gồm ba thanh: thanh 1 (thanh ngang), thanh 2 (thanh huyền) và thanh 4 (thanh sắc) là các thanh có kết thúc ở cao độ cao. Thanh 3 (thanh hỏi) và thanh 5 (thanh ngã/nặng) là thanh thấp kết thúc ở cao độ thấp.

Về chất giọng, các thanh 1 và thanh 2 chất giọng thường, thanh 3 và thanh 4 kết thúc bằng hiện tượng tắc thanh môn.

Về mặt âm vị học, cách thanh được được nhận diện bằng các tiêu chí như bảng dưới đây:

Bảng 3. Ma trận nhận diện các tiêu chí âm vị học của hệ thống thanh điệu tiếng Thạch Kim

Thanh	Cao độ						Chất giọng
	Đường nét				Âm vực		Tắc họng
	Ngang	Xuống	Lên	Lên - Xuống	Cao	Thấp	
1	-	-	-	+	+	-	-
2	-	-	-	+	+	-	-
3	-	+	-	-	-	+	+
4	-	-	+	-	+	-	+
5	-	+	-	-	-	+	-

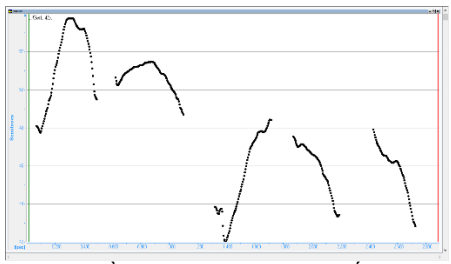

Hình 5. Đồ thị F0 của thanh điệu tiếng Thạch Châu được phân tích bằng chương trình SA

Hệ thống thanh điệu tiếng Thạch Châu gồm 5 thanh, có những đặc điểm ngữ âm như sau:

Về đường nét: Thanh 1: có xuất phát trung bình, sau đó đi lên cao độ cao nhất rồi đi xuống và kết thúc ở độ cao trung bình, ghi bằng 353. Thanh 2: Có xuất phát cao, đường nét đi ngang, được ghi bằng

44. Thanh 3: Có xuất phát ở độ cao trung bình sau đó đi xuống, kết thúc ở cao độ thấp bằng hiện tượng tắc họng, ghi bằng 32. Thanh 4: Có xuất phát thấp, đường nét đi lên và kết thúc đột ngột ở độ cao trung bình, có hiện tượng tắc họng, ghi bằng 13. Thanh 5: Có xuất phát trung bình, sau đó đi xuống và kết thúc ở cao độ thấp nhất, trường độ ngắn, khoảng 300ms, ghi bằng 31.

Về âm vực, 5 thanh ở Thạch Châu có sự đối lập giữa hai âm vực cao và thấp. Âm vực âm cao gồm ba thanh: thanh 1 (thanh ngang), thanh 2 (thanh huyền) và thanh 4 (thanh sắc) là các thanh có kết thúc ở cao độ cao. Thanh 3 (thanh hỏi) và thanh 5 (thanh ngã/nặng) là thanh thấp kết thúc ở cao độ thấp.

Về chất giọng, các thanh 1 và thanh 2 chất giọng thường, thanh 3 và thanh 4 kết thúc bằng hiện tượng tắc thanh môn.

Về âm vị học, các thanh được nhận diện bằng các tiêu chí như dưới bảng sau:

Bảng 4. Ma trận nhận diện các tiêu chí âm vị học của hệ thống thanh điệu tiếng Thạch Châu

Thanh	Cao độ						Chất giọng
	Đường nét				Âm vực		Tắc họng
	Ngang	Xuống	Lên	Lên - xuống	Cao	Thấp	
1	-	-	-	+	+	-	-
2	+	-	-	-	+	-	-
3	-	+	-	-	-	+	+
4	-	-	+	-	+	-	+
5	-	+	-	-	-	+	-

Bảng 5. Đặc điểm ngữ âm - âm vị học của hệ thống thanh điệu các thổ Lộc Hà

Thanh	Thịnh Lộc	An Lộc	Thạch Kim	Thạch Châu
1	353 (Lên - xuống, thường)	353 (Lên - xuống, thường)	353 (Lên - xuống, thường)	353 (Lên - xuống, thường
2	11 (Ngang, thấp, thường)	21 (Xuống, thấp, thường)	43 (Xuống, cao, thường)	44 (Ngang, cao, thường
3	454ʔ (Lên - xuống cao, TMH)	42ʔ (Xuống, thấp TMH)	21ʔ (Xuống, thấp TMH)	32ʔ (Xuống, thấp TMH)
4	13ʔ (Lên, cao, TMH)	13ʔ (Lên, cao, TMH)	13ʔ (Lên, cao, TMH)	13ʔ (Lên, cao, TMH)
5	31 (Xuống, thấp)	32 (Xuống, thấp)	32 (Xuống, thấp)	31 (Xuống, thấp)

Từ đó, có thể khái quát các đặc điểm ngữ âm - âm vị học của bốn thổ ngữ Lộc Hà như Bảng 5.

/ʔ/ : Hiện tượng tắc thanh môn

Từ Bảng 5 có thể rút ra các nhận xét về những đặc điểm ngữ âm - âm vị học của hệ thống thanh điệu các thổ ngữ Lộc Hà như sau:

Thanh 1: Trong cả 4 thổ ngữ, thanh 1 đều được thể hiện là thanh có đường nét lên - xuống, ghi 353, âm vực cao, chất giọng thường. Thanh 2: Có sự khác nhau tương đối rõ rệt của thanh 2 giữa 4 thổ ngữ Thịnh Lộc, An Lộc, Thạch Kim và Thạch Châu. Ở Thịnh Lộc và An Lộc, thanh có những đặc điểm tương đối giống nhau, đều là thanh thuộc vùng âm vực thấp. Còn ở thổ ngữ Thạch Kim và Thạch Châu, thanh 2 lại là thanh thuộc âm vực cao. Như vậy, có thể thấy thanh 2 có sự khu việt giữa các nhóm thổ ngữ, thanh 2 ở nhóm thổ ngữ Thịnh Lộc và An Lộc là thanh thấp, có đường nét đi ngang hoặc đi xuống. Còn ở Thạch Kim và Thạch Châu, thanh 2 được thể hiện ở vùng âm vực cao, có đường nét đi ngang hoặc đi xuống. Thanh 3: Có sự khác biệt tương đối rõ giữa các thổ ngữ. Ở tất cả các thổ ngữ thanh 3 đều có hiện tượng tắc họng cuối âm tiết. Ở Thổ ngữ Thịnh Lộc, thanh 3 được thể hiện là một thanh lên – xuống, xuất phát ở âm vực cao (4), đi lên đến cao độ cao nhất (5) rồi đi xuống và kết thúc âm vực cao (4). Trong khi đó ở các thổ ngữ còn lại, thanh 3 kết thúc ở cao độ thấp, thuộc âm vực thấp. Ở An Lộc, thanh 3 xuất phát hơi cao (4), sau đó đi xuống và kết thúc ở âm vực hơi thấp (2). Ở Thạch Kim, thanh 3 là thanh thấp, xuất phát ở cao độ hơi thấp (2), đi xuống và kết thúc ở cao độ thấp nhất (1). Ở Thạch Châu, thanh 3 xuất phát ở cao độ trung bình, , đi xuống và kết thúc ở cao độ hơi thấp (2). Thanh 4: Ở tất cả các thổ ngữ Lộc Hà, thanh 4 được phát âm tương đối giống nhau, đều là thanh lên , thấp, kết thúc bằng hiện tượng tắc họng. Toàn bộ thanh điệu được thể hiện ở cao độ thấp dưới đường trung bình. Thanh 5: Ở cả 4 thổ ngữ thanh 5 đều được thể hiện là thanh xuống, thấp, xuất phát trung bình (3), đi xuống, hoặc kết thúc ở cao độ thấp như ở Thịnh Lộc và Thạch Châu hoặc kết thúc ở cao độ hơi thấp như An Lộc và Thạch Kim.

Như vậy , hệ thống thanh điệu tiếng Lộc Hà gồm 5 thanh. Sự thể hiện về đặc điểm ngữ âm của các thanh không hoàn toàn đồng nhất. Các thanh có thể có điểm xuất phát hay điểm kết thúc khác nhau. Sự khác nhau rõ rệt nhất về thanh điệu ở cả bốn thổ ngữ được thể hiện rõ rệt nhất là ở thanh 2.

Về âm vị học, hệ thống thanh điệu ở các thổ ngữ Lộc Hà tương đối thống nhất ở những điểm như sau: Thanh 1 là thanh lên - xuống, được thể hiện ở vùng âm vực cao; thanh 2 có sự khác biệt giữa hai vùng thổ ngữ, một vùng thổ ngữ đó là thanh thấp (ở Thịnh Lộc và An Lộc); một vùng thổ ngữ là thanh cao (Thạch Kim và Thạch Châu); thanh 3 có đặc điểm chung là kết thúc tắc họng cuối âm tiết, trường độ ngắn, đều là thanh xuống, và kết thúc bằng tắc họng. Tuy nhiên, ở Thịnh Lộc thì đây lại là thanh cao, còn ở ba thổ ngữ còn lại đây lại là thanh thấp. Thanh 4 là thanh có xuất phát thấp, đi đến cao độ trung bình, kết thúc bằng tắc họng. Thanh 5 là thanh thuộc âm vực thấp, đều xuất phát từ cao độ trung bình và đi xuống.

2.2 Hệ thống thanh điệu Hà Tĩnh trung tâm

Dưới đây là hệ thống thanh điệu tiếng Hà Tĩnh (vùng trung tâm thành phố). Người phát âm mang giọng nữ, 30 tuổi, sinh ra và lớn lên ở Thành phố Hà Tĩnh.

Hệ thống thanhh điệu tiếng trung tâm Hà Tĩnh (TTHT) gồm 5 thanh. Các thanh có những đặc điểm ngữ âm như sau:

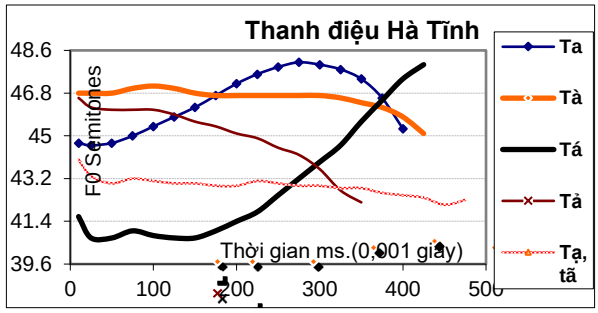

Hình 6. Đồ thị F0 5 thanh điệu tiếng Hà Tĩnh (vùng trung tâm - thành phố Hà Tĩnh)

Về đường nét: Thanh 1 (thanh ngang) có đường nét lên - xuống, xuất phát cao độ trung bình, đi lên khoảng 2/3 âm tiết ở cao độ cao nhất rồi đi xuống, kết thúc ở cao độ trung bình, ghi bằng 353. Thanh 2 (thanh huyền) đi ngang, mở đầu và kết thúc ở cao độ hơi cao, ghi 44. Thanh 3 (thanh hỏi) đường nét xuống, xuất phát cao độ hơi cao, đi xuống và kết thúc ở cao độ hơi thấp, ghi 42. Thanh 4 (thanh sắc) lên xuất lên xuất phát hơi thấp, đi xuống khoảng 1/3 âm tiết đổi hướng đi lên cao độ cao nhất kết thúc ở cao độ cao nhất, ghi 215. Thanh 5 thanh (ngã/ nặng) thanh ngang, xuất phát và kết thúc ở cao độ hơi thấp, ghi 22.

Về âm vực, 5 thanh Hà Tĩnh có sự đối lập giữa hai âm vực cao và thấp. Âm vực âm cao gồm ba thanh: thanh 1 (thanh ngang), thanh 2 (thanh huyền) và thanh 4 (thanh sắc) là các thanh có kết thúc ở cao độ cao. Thanh 3 (thanh hỏi) và thanh 5 (thanh ngã/nặng) là thanh thấp kết thúc ở cao độ thấp.

Về chất giọng, các thanh 1 và thanh 2 chất giọng thường. Thanh 3 (thanh hỏi) kết thúc bằng hiện tượng tắc thanh môn, thanh này có trường độ ngắn, khoảng 380 ms. Hình 7 dưới đây là hình ảnh dạng sóng âm, các xung thanh môn, ảnh phổ của thanh 3.

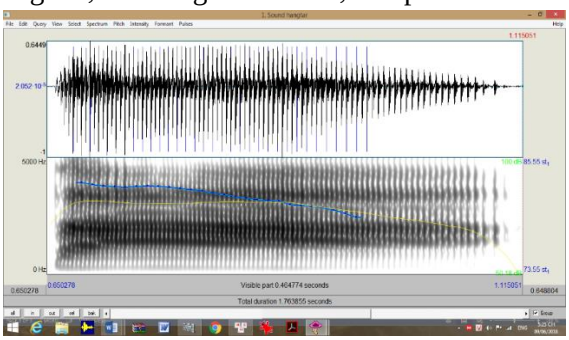

Hình 7. Sóng âm, các xung thanh môn, ảnh phổ của thanh 3 tiếng HTTT

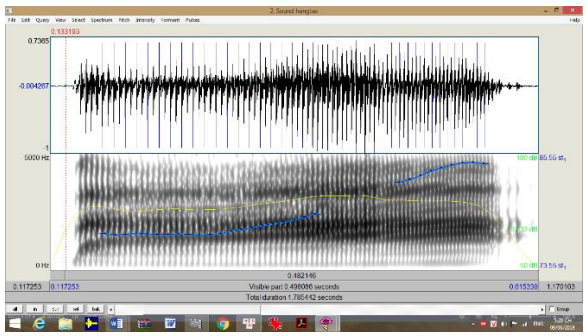

Hình 8. Sóng âm, các xung thanh môn, ảnh phổ của thanh 4 tiếng HTTT

Các thanh khác thường có trường độ gần 500ms, riêng thanh này có trường độ ngắn hơn, khoảng 380ms và có hiện tượng tắc họng.

Thanh 4 (thanh sắc) có trường độ tương đối dài khoảng 420 ms, và kết thúc bằng hiện tượng tắc họng yếu. Dưới đây là dạng sóng âm, các xung thanh môn, ảnh phổ của thanh 4.

Trên ảnh phổ Hình 8 cho thấy ở cuối âm tiết xuất hiện hiện tượng tắc họng yếu (tính đứt đoạn của phổ và các xung.

Về mặt âm vị học, 5 thanh điệu tiếng Hà Tĩnh trung tâm được nhận diện bằng các tiêu chí sau đây:

Bảng 6. Ma trận nhận diện các tiêu chí âm vị học của hệ thống thanh điệu tiếng HTTT

Thanh	Cao độ						Chất giọng
	Đường nét				Âm vực		Tắc họng
	Ngang	Xuống	Lên	Lên - xuống	Cao	Thấp	
1	-	-	-	+	+	-	-
2	+	-	-	-	+	-	-
3	-	+	-	-	-	+	+
4	-	+	-	-	+	-	+
5	+	-	-	-	-	+	-

2.3 Một vài khác biệt của hệ thống thanh điệu tiếng Lộc Hà với tiếng Hà Tĩnh trung tâm

Bảng 7. Đặc điểm ngữ âm - âm vị học của hệ thống thanh điệu tiếng HTTT và các thổ ngữ Lộc Hà

Thanh	HTTT	Thịnh Lộc	An Lộc	Thạch Kim	Thạch Châu
1	353 (Lên - xuống, thường)	353 (Lên - xuống, thường)	353 (Lên - xuống, thường)	353 (Lên - xuống, thường)	353 (Lên - xuống, thường)
2	44 (Ngang, cao, thường)	11 (Ngang, thấp, thường)	21 (Xuống, thấp, thường)	43 (Xuống, cao, thường)	44 (Ngang, cao, thường)
3	42ʔ (Xuống, thấp, TMH)	454ʔ (Lên - xuống cao, TMH)	42ʔ (Xuống, thấp TMH)	21ʔ (Xuống, thấp TMH)	32ʔ (Xuống, thấp TMH)
4	215ʔ (Xuống - lên, cao, TMH)	13ʔ (Lên, cao, TMH)	13ʔ (Lên, cao, TMH)	13ʔ (Lên, cao, TMH)	13ʔ (Lên, cao, TMH)
5	22 (Ngang, thấp)	31 (Xuống, thấp)	32 (Xuống, thấp)	32 (Xuống, thấp)	31 (Xuống, thấp)

ʔ : Hiện tượng tắc thanh môn

Từ bảng trên cho thấy hệ thống thanh điệu các thổ ngữ Lộc Hà tương đối thống nhất với hệ thống thanh điệu tiếng HTTT, về số lượng, đều là hệ thống 5 thanh. Tuy nhiên, về ngữ âm học, sự thể hiện từng thanh khác nhau giữa các thổ ngữ Lộc Hà và trung tâm Hà Tĩnh.

Thanh 1: Sự thể hiện thanh 1 ở tiếng HTTT và ở cả bốn thổ ngữ Lộc Hà giống nhau. Đây là thanh thể hiện ở vùng âm vực cao, xuất phát cao độ trung bình (3), đi lên đến cao độ cao (5), đi xuống, kết thúc ở cao độ xuất phát (5). Về âm vị học, thanh 1 ở cả 4 thổ ngữ được nhận diện là thanh lên xuống, cao.

Thanh 2: Sự thể hiện thanh 2 ở tiếng HTTT giống với sự thể hiện thanh 2 ở thổ ngữ Thạch Châu, đó là thanh ngang, có âm vực cao (44), chất giọng thường. Khác với ba thổ ngữ còn lại, đây là thanh ngang, thấp ở Thịnh Lộc hay là thanh xuống, thấp ở Thạch Châu hoặc là thanh xuống, cao ở Thạch Kim.

Thanh 3: Thanh 3 tiếng HTTT có sự thể hiện giống với thanh 3 ở thổ ngữ An Lộc. Đây là thanh có xuất phát ở âm vực hơi cao (4), sau đó đi xuống và kết thúc ở âm vực hơi thấp (2). Thanh 3 ở tiếng HTTT cũng giống với thanh 3 nhóm thổ ngữ Thạch Kim và Thạch Châu ở đường nét đi xuống và âm vực thấp, tuy nhiên lại khác nhau hoặc ở xuất phát hoặc ở điểm kết thúc. Và ở cả tiếng HTTT cũng như ở cả bốn thổ ngữ Lộc Hà, thanh 3 đều có sự tắc thanh môn cuối âm tiết. Khác với thanh 3 ở thổ ngữ Thịnh Lộc, thanh 3 là thanh thuộc vùng âm vực cao, xuất phát cao (4), đi lên đến cao độ cao nhất (5), rồi đi xuống cao độ (4).

Thanh 4: sự thể hiện thanh 4 ở tiếng HTTT và ở bốn thổ ngữ Lộc Hà khác nhau. Thanh 4 ở tiếng HTTT là thanh có xuất phát hơi thấp (2), sau đó đi xuống cao độ thấp nhất (1) rồi đi lên và kết thúc ở cao độ cao nhất (5). Còn ở bốn thổ ngữ Lộc Hà, đây lại là thanh điệu thể hiện ở vùng âm vực thấp, xuất phát cao độ thấp (1), đi lên và kết thúc ở cao độ trung bình (3). Về chất giọng, thanh 4 ở cả tiếng HTTT và bốn thổ ngữ Lộc Hà giống nhau, đều có hiện tượng tắc thanh môn cuối âm tiết.

Thanh 5: Sự thể hiện thanh 5 ở tiếng HTTT và bốn thổ ngữ Lộc Hà giống nhau đều là thanh nằm ở âm vực thấp. Nhưng ở bốn thổ ngữ Lộc Hà, thanh 4 là thanh xuống, thấp, có xuất phát cao độ trung bình (3), đi xuống và kết thúc ở cao độ hơi thấp (2) hoặc thấp (1). Còn ở tiếng HTTT đây lại là thanh ngang, thấp (22).

3. Kết luận

Như vậy, có thể thấy hệ thống thanh điệu các thổ ngữ Lộc Hà mang những đặc điểm chung hệ thống thanh điệu Nghệ Tĩnh nói chung và Hà Tĩnh nói riêng.

Trong tiếng Lộc Hà hiện nay có 5 thanh điệu. Các thanh điệu có sự đối lập về cao độ (đường nét, âm vực) và chất giọng. Đó là sự đối lập của các thanh ở âm vực cao và các thanh ở âm vực thấp, giữa các thanh có chất giọng thường và các thanh có hiện tượng tắc họng cuối âm tiết. So với phương ngữ Bắc Bộ, phương ngữ Bắc Trung Bộ, tiếng Hà Tĩnh thì thanh điệu Lộc Hà có sự đối lập về cao độ, đường nét và chất giọng của từng thanh.

Về quá trình biến đổi lịch sử, sự hình thành và phát triển của hệ thống thanh điệu tiếng Lộc Hà khác với tiếng Hà Tĩnh. Đó là sự đảo chiều của một số thanh và xu hướng giữ lại yếu tố tắc họng cuối âm tiết của thanh 3 và thanh 4 trong quá trình phát triển.

Sự khác biệt này có thể do nhiều nguyên nhân, các nguyên nhân ngoài ngôn ngữ (các cá thể sử dụng ngôn ngữ, nhân tố địa lí, lịch sử, xã hội, văn hóa truyền thống…, của địa phương) và các nguyên nhân bên trong bản thân ngôn ngữ (lịch sử tiếng Việt, lịch sử phương ngữ Nghệ Tĩnh, lịch sử tiếng Lộc Hà,v.v.…). Chắc chắn rằng việc nghiên cứu một cách sâu rộng về tiếng Lộc Hà từ nhiều phương diện trong tương lai sẽ góp thêm nhiều tư liệu quan trọng cho việc nghiên cứu phương ngữ Nghệ Tĩnh nói riêng và các phương ngữ tiếng Việt nói chung./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Thị Châu, *Phương ngữ học tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.
2. Hoàng Cao Cương, *Suy nghĩ thêm về thanh điệu tiếng Việt*, Tạp chí Ngôn ngữ số 3, tr. 19-38, 1986.
3. Hoàng Cao Cương, *Thanh điệu Việt qua giọng địa phương trên cứ liệu F0*, Tạp chí Ngôn ngữ số 4, tr. 1-17, 1989.
4. Nguyễn Văn Lợi, *Thanh điệu một vài thổ ngữ Nghệ An từ góc nhìn đồng đại và lịch đại*, (dựa trên kết quả phân tích thực nghiệm bằng computer), Tạp chí Ngôn ngữ, số 3, tr. 1-13, 2002.
5. Nguyễn Hoài Nguyên, *Thanh ngã trong phương ngữ Nghệ Tĩnh*, Ngữ học trẻ, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, Hà Nội, 2001.
6. Nguyễn Văn Nguyên, *Miêu tả đặc trưng ngữ âm phương ngữ Nghệ Tĩnh* (Luận án tiến sĩ), Đại học Vinh, 2003.
7. Phan Xuân Phồn, *Đặc điểm thanh điệu trong cách phát âm của người Nghi Lộc*, Tạp chí Giáo dục, số 12, tr.68-70, 2011.